

Bản án số: 117/2020/HS-ST
Ngày 15 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiệp;

Ông Đỗ Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HS, ngày 14/01/2020 theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số: 137/2020/QĐXXST-HS ngày 03/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc T, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn 1, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Anh T, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; vợ, con: chưa có;

Tiền sự: không;

Tiền án: có 01 tiền án.

Bản án số 246/2016/HSST ngày 17/6/2016, Tòa án Nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt T 26 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 22 tháng 01 năm 2018

Nhân thân : Ngày 24/8/2013 bị Công an huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2019 đến ngày 15/11/2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” sau đó bỏ trốn. Ngày 04/7/2020 ra đầu thú và bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2020 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Đức U, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức G, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; có vợ: Bế Thị T, sinh năm 1990 và có 03 con: con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh 03/6/2020;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2019 đến ngày 17/4/2019 được thay đổi bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

3. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990; nơi cư trú: thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn V, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thùy D, sinh năm 1964; có vợ: Nguyễn Minh H, sinh năm 1994 và có 01 con: sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

Bản án số 164/2008/HSST ngày 29/8/2008 của Tòa án Nhân dân quận Long Biên, xử phạt Nguyễn Văn T2 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

Bản án số 175/2008/HSST ngày 26/9/2008 của Tòa án Nhân dân quận Long Biên, xử phạt Nguyễn Văn T2 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù cho cả 02 Bản án, ra trại ngày 26/7/2009. Bị cáo đã chấp hành xong T bộ Bản án;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2019 đến ngày 17/4/2019 được thay đổi bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

7 người

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16h30 phút ngày 08/04/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại cửa hàng Giải pháp tài chính F85 có địa chỉ tại số nhà 12 đường Bình Than, khu 3 phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh có một số đối tượng có biểu hiện cho vay lãi nặng, tổ công tác của Công an phường Đại Phúc tiến hành kiểm tra hành chính. Tại thời điểm kiểm tra có Nguyễn Đức U, sinh năm 1985, HKTT: Thôn Định Cương, xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đang có mặt tại cửa hàng, quá trình kiểm tra phát hiện tại cửa hàng: 02 chiếc gậy rút bằng kim loại; 01 côn nhị khúc bằng gỗ, có gắn sắt ở 2 đầu chiếc côn; 01 con dao (loại dao mèo) dài khoảng 50cm, cán gỗ; 01 sổ ghi chép các cá nhân vay tiền; 01 danh sách thu tiền hàng ngày (tờ giấy A4); 01 khẩu súng dài 70cm có phần báng súng bằng gỗ dài 38cm, phần thân súng và nòng súng bằng kim loại dài 32cm, nòng súng có đường kính 1,5cm; 03 viên đạn bằng kim loại hình trụ

màu vàng, nhìn từ đầu viên đạn thấy cả 3 viên đạn đều được bịt bằng giấy bên trong viên đạn (trong đó có 02 viên đạn dài 5cm, đường kính rộng 1,5cm; 01 viên đạn dài khoảng 7cm, đường kính rộng khoảng 1cm). Tổ công tác đã lập biên bản và thu giữ các vật chứng nói trên.

Qua đấu tranh, xác minh làm rõ việc Nguyễn Đức Ư và Nguyễn Văn T2 có giấu hiệu cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cùng ngày 08/04/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Ư và T2. Trong quá trình bị giữ, T2 đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, Ư tự nguyện giao nộp 01 điện thoại điện thoại nhãn hiệu Nokia 6700 màu đen, 01 giấy phép đăng ký kinh doanh, 01 hợp đồng thuê nhà và 14 tờ giấy cho vay tiền. Ngày 12/11/2019 T đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bắc Ninh đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Bắc Ninh, T, Ư và T2 đã khai nhận T bộ hành vi của mình như sau:

Khoảng tháng 07/2018, Trần Ngọc T, sinh năm 1984, HKTT: xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có mở dịch vụ cho vay lãi nặng tại thành phố Bắc Ninh, T không làm việc tại một địa điểm cụ thể mà dưới hình thức dán giấy quảng cáo cho vay lãi ở nhiều nơi với mục đích ai có nhu cầu vay tiền sẽ liên hệ với T qua số điện thoại in sẵn trên giấy, sau đó T sẽ trực tiếp đi thăm định đề cho vay. Đến khoảng tháng 11/2018, T có gặp và bảo Ư thuê hộ 01 cửa hàng để làm điểm giao dịch cho thuê tài chính, Ư đồng ý. Ư đã thuê lại của chị Nguyễn Thị Hậu, sinh năm 1989, HKTT: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh 01 gian nhà ở tầng 1, tại số nhà 12, đường Bình Than, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh để mở quán Giải pháp tài chính F85 kinh doanh dịch vụ cho vay lãi nặng. Sau khi thuê được cửa hàng, T thuê Nguyễn Đức Ư và Nguyễn Văn T2 cùng tham gia hoạt động kinh doanh dưới hình thức cho vay lãi nặng. T, Ư và T2 thống nhất: T quản lý chung, là người cung cấp tiền để cho vay lãi nặng. Ư giúp T trực tiếp làm các thủ tục cho những người có nhu cầu vay tiền như hướng dẫn thủ tục cho vay (Khách vay phải photto giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu và hướng dẫn khách hàng điền các thông tin trên mẫu giấy vay được in sẵn các giấy vay tiền đều thể hiện người cho vay là T); lập và quản lý sổ sách cho vay, quản lý số tiền thu chi hàng ngày... T2 có nhiệm vụ tìm khách hàng có nhu cầu vay tiền và đi thu tiền của khách hàng vay hàng ngày. Mỗi tháng T trả lương cho Ư 7.000.000đ/tháng, trả lương cho T2 5.000.000đ/tháng; tổng số tiền lương trong 5 tháng làm việc cho T, Ư nhận được là 35.000.000đ, T2 nhận được là 25.000.000đ (Số tiền trả lương cho Ư và T2 do T lấy từ số tiền thu lời được để trả).

Đến tháng 02/2019, Ư được T bảo làm giấy kinh doanh, Ư đã đứng ra làm Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 21A.8006842 tại địa chỉ số 12, đường Bình Than, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 19/02/2019, do cần tiền làm ăn nên anh Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1983, HKTT: Khu 3, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh đến công ty dịch vụ hỗ trợ tài chính tại số 12 đường Bình Than, khu 3 phường Đại Phúc, thành phố

Bắc Ninh để vay tiền. Tại đây, anh Hùng được T cho vay số tiền 15.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 3.000.000đ tính cho 50 ngày (lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm, 12,1667%/tháng, 0.4%/ngày, gấp 7,3 lần mức lãi suất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015). Hàng ngày anh Hùng phải trả số tiền gốc là 300.000 đồng, trong vòng 50 ngày sẽ hết số tiền gốc vay là 15.000.000 đồng. Số tiền anh Hùng vay đều được U ghi chép cụ thể trong sổ theo dõi thu nợ hàng ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay (tức 1,6667%/1 tháng của khoản tiền vay, 0,0547%/ngày của khoản tiền vay), theo đó, số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 50 ngày là: $15.000.000đ \times 0,0547\% \times 50 \text{ ngày} = 410.250đ$. Như vậy số tiền thu lời bất chính là: $3.000.000đ - 410.250đ = 2.589.750đ$.

Với phương thức và thủ đoạn như trên, các đối tượng còn cho mọi người vay lãi nặng đã thu được số tiền gốc và lãi cụ thể như sau:

1. Ngày 01/9/2018, 17/10/2018, T đã cho anh Đoàn Chí Hiếu, sinh năm 1991, HKTT: Khu Bò Sơn, phường Võ Cường, TP Bắc Ninh vay 02 lần, với tổng số tiền 90.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 18.000.000đ tính cho 50 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 2.461.500đ. Như vậy số tiền thu lời bất chính là: $18.000.000.000đ - 2.461.500đ = 15.538.500đ$ (đã xong trƯ thời điểm U tiếp quản giúp T, vì người vay trả trƯ thời gian vay)

Ngày 30/11/2018 và ngày 11/1/2019, T2 tiếp tục cho anh Đoàn Chí Hiếu, vay 02 lần, với tổng số tiền 100.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 20.000.000đ tính cho 50 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 2.735.000đ. Như vậy số tiền thu lời bất chính là: $20.000.000.000đ - 2.735.000đ = 17.265.000đ$.

2. Ngày 15/10/2018, 27/10/2018, T đã chị Phạm Thị Hồng Cúc, sinh năm 1987, HKTT: Số nhà 17, ngõ 24, khu Yên Mẫn, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh vay 02 lần với tổng số tiền 20.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 4.000.000đ tính cho 50 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 547.000đ. Như vậy số tiền thu lời bất chính là: $4.000.000đ - 547.000đ = 3.453.000 \text{ đồng}$ (đã xong trƯ thời điểm U tiếp quản giúp T, vì người vay trả trƯ thời gian vay).

Ngày 16/11/2018, 03/12/2018, 28/12/2018 và ngày 21/2/2019, U tiếp tục cho chị Phạm Thị Hồng Cúc vay 04 lần với tổng số tiền 70.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 14.000.000đ tính cho 50 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 1.914.500 đồng. Như vậy số tiền thu lời bất chính là: $14.000.000đ - 2.461.500đ = 12.085.500đ$.

3. Ngày 10/12/2018, 16/1/2019 và ngày 28/2/2019, U đã cho anh Nguyễn Hữu Khoa, sinh năm 1982, HKTT: Xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh vay 03 lần với tổng số tiền là 80.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 16.000.000đ tính cho 50 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 2.188.000đ. Như vậy số tiền thu lời bất chính là: $16.000.000đ - 2.188.000đ = 13.812.000đ$

4. Ngày 19/02/2019 và ngày 26/3/2019, T2 đã cho anh Ngô Xuân Lâm, sinh năm 1984, HKTT: Khu 2, phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh vay 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 8.000.000đ tính cho 50 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 1.094.000đ. Như vậy số tiền thu lời bất chính là: $8.000.000đ - 1.094.000đ = 6.906.000đ$.

5. Ngày 10/11/2018, 27/11/2018, 12/1/2019 và ngày 21/1/2019 và 5/3/2019, T2 đã cho bà Nguyễn Thị Bùi, sinh năm 1946, HKTT: Khu Y Na, phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh vay 05 lần với tổng số tiền 85.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 17.000.000đ tính cho 50 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 2.324.750đ. Như vậy số tiền thu lời bất chính là: $17.000.000đ - 2.324.750đ = 14.675.250đ$.

6. Ngày 14/8/2018, 19/8/2018, 25/8/2018, 21/9/2018 và ngày 28/9/2018, T đã cho anh Đặng Đình Đức, sinh năm 1972, HKTT: Xóm Đền, phường Tiên An, TP Bắc Ninh vay 05 lần với tổng số tiền là 100.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 20.000.000đ tính cho 50 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 2.735.000đ. Như vậy số tiền thu lời bất chính là: $20.000.000đ - 2.735.000đ = 17.265.000đ$ (đã xong trƯ thời điểm Ư tiếp quản giúp T).

Ngày 01/11/2018, 04/12/2018 và ngày 23/12/2018, Ư tiếp tục cho anh Đặng Đình Đức vay 03 lần với tổng số tiền là 90.000.000đ, thu luôn số tiền lãi 18.000.000đ tính cho 50 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 2.461.500đ. Như vậy số tiền thu lời bất chính là: $18.000.000đ - 2.461.500đ = 15.538.500đ$.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh còn làm rõ ngoài 29 giao dịch cho vay đã thu được tiền gốc và lãi kể trên, các đối tượng còn cho 04 người kể trên vay với 04 giao dịch chưa đủ 50 ngày cụ thể: Ngày 08/04/2019, T cho anh Nguyễn Văn Hùng vay số tiền 15.000.000đ, thu luôn số tiền lãi là 3.000.000đ tính cho 50 ngày (trả được 01 ngày tiền gốc); ngày 29/3/2019, T đã cho chị Phạm Thị Hồng Cúc vay số tiền 25.000.000đ, thu luôn số tiền lãi là 5.000.000đ tính cho 50 ngày (trả được 11 ngày tiền gốc); ngày 26/2/2019, T2 đã cho anh Đoàn Chí Hiếu vay số tiền 50.000.000đ, thu luôn số tiền lãi là 10.000.000đ tính cho 50 ngày (trả được 42 ngày tiền gốc). Ngày 17/3/2019, T2 đã cho bà Nguyễn Thị Bùi vay số tiền 15.000.000đ, thu luôn số tiền lãi là 3.000.000đ tính cho 50 ngày (trả được 23 ngày tiền gốc với giao dịch ngày 17/3/2019). Các giao dịch trên chưa đến hạn thanh toán nên chưa có căn cứ xác định các bị can thu tiền lãi suất cho vay vượt quá 5 lần lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hiện nay các bị can không có yêu cầu giải quyết đối với các giao dịch này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ vật chứng đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh đã tiến hành trưng cầu giám định đối với 01 khẩu súng và 03 viên đạn thu giữ nói trên.

Tại Bản kết luận giám định số 1860/C09(P3) ngày 09/4/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- Khẩu súng không có số, ký hiệu gửi giám định là súng tự chế bắn đạn ghém, thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, không phải vũ khí quân dụng.

- 03 viên đạn gửi giám định là đạn ghém tự chế, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng.

Với nội dung vụ án như trên, bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSTPBN, ngày 14/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh đã truy tố Trần Ngọc T về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Đức U và Nguyễn Văn T2 về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa Trần Ngọc T, Nguyễn Đức U và Nguyễn Văn T2 đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh thực hành quyền công tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Trần Ngọc T về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Đức U và Nguyễn Văn T2 về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; khoản 2 Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Ngọc T từ 10 đến 15 tháng tù và phạt từ: 55.000.000đ đến 60.000.000đ. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; khoản 2 Điều 17; điểm i (đối với bị cáo U), s Khoản 1 Điều 51; điểm a Khoản 1 Điều 52 Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Đức U và Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo từ 10 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, hai bị cáo được trừ đi những ngày tạm giữ từ ngày 09/04/2019 đến ngày 17/04/2019 (theo khoản 1 Điều 36 BLHS) và phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 50.000.000đ đến 55.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

Đối với số tiền T bỏ ra cho mọi người vay là 690.000.000đ. Đây là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà NƯ.

Đối với số tiền 19.418.500 đồng là tiền lãi mà bị cáo T được hưởng khi cho vay tuy phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nhưng là số tiền do phạm tội mà có nên truy thu sung quỹ Nhà NƯ.

Tổng số tiền thu lời bất chính là 119.128.500đ. Tuy nhiên số tiền thu lời bất chính trên bị cáo T đã sử dụng một phần để trả lương cho U 7 triệu đồng/1 tháng, T2 5 triệu đồng/1 tháng và đã trả 5 tháng lương cho U, T2 thì bị cáo T đã chi trả tiền công cho bị cáo U là 35.000.000đ, chi cho bị cáo T2 là 25.000.000đ với tổng số tiền 60.000.000 đồng nên cần trừ vào số tiền đã trả lương cho U, T2

vào số thu lời bất chính truy thu của T. Vì vậy buộc bị cáo T phải nộp sung công quỹ nhà nU số tiền thu lời bất chính là 59.128.500đ, U là 35.000.000đ, T2 là 25.000.000đ.

- Đối với 01 khẩu súng dài và 03 viên đạn nói trên có tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng ; 02 chiếc gậy rút bằng kim loại; 01 côn nhị khúc bằng gỗ, có gắn sắt ở 2 đầu chiếc côn; 01 con dao (loại dao mèo) dài khoảng 50cm, cán gỗ đây là công cụ hỗ trợ hiện không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 giấy đăng ký kinh doanh đến nay các bị cáo không kinh doanh nữa nên các bị cáo không nhận lại cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 quyển sổ và 14 giấy vay tiền (đã thực hiện xong việc thu gốc và lãi) là chứng cứ của vụ án nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình bị giữ, T2 đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, U tự nguyện giao nộp 01 điện thoại điện thoại nhãn hiệu Nokia 6700 màu đen các bị cáo khai nhận hai chiếc điện thoại này dùng để liên lạc trong thời gian cho vay tiền và đi đòi nợ nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nU.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Các bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn T phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cùng vật chứng thu giữ, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 (địa điểm lưu động) và đến ngày 08/4/2019 tại số nhà 12, đường Bình Than, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Trần Ngọc T đã thực hiện 09 giao dịch dân sự (Riêng một mình T) đã cho 03 cá nhân gồm anh Đoàn Chí Hiếu, chị Phạm Thị Hồng Cúc và anh Đặng Đình Đức vay tổng số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), với mức lãi suất 146%/năm của khoản tiền vay (vượt gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), đã thu lợi bất chính tổng số tiền 36.256.500 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng) và Nguyễn Đức U, Nguyễn Văn T2 đã có hành vi giúp cho Trần Ngọc T thực hiện 20 giao dịch dân sự đã cho 07 cá nhân gồm anh Nguyễn Văn Hùng, anh Đoàn Chí Hiếu, chị Phạm Thị Hồng Cúc, anh Nguyễn Hữu Khoa, anh Ngô Xuân Lâm, bà Nguyễn Thị Bùi và anh Đặng Đình Đức vay tổng số tiền 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng), với mức lãi suất 146%/năm của khoản tiền vay (vượt gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), đã thu lợi bất chính tổng số tiền 82.872.000 đồng (tám mươi hai triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Tổng số tiền T cho vay là 690.000.000đ, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 119.128.500đ.

Nguyễn Đức U' và Nguyễn Văn T2 giúp Trần Ngọc T cho vay tổng số tiền 480.000.000 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 82.872.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh truy tố Trần Ngọc T về tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Đức U', Nguyễn Văn T2 về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” (hay còn gọi là tín dụng đen) của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nU trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, xâm phạm đến lợi ích của người đi vay. Nhiều người vì điều kiện đang gặp hoàn cảnh khó khăn về kinh tế đã tìm đến “tín dụng đen” để vay tiền với mức lãi suất cao gấp nhiều lần mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Hoạt động tín dụng đen có tính chất bóc lột, làm cho nhiều người lâm vào hoàn cảnh khó khăn lại càng khó khăn, điều đúng hơn thậm chí phải bán hết tài sản để trả nợ, nếu không trả được, người vay sẽ bị uy hiếp, đe dọa, gây thương tích, cưỡng đoạt tài sản, là nguyên nhân dẫn đến không ít các vụ án nghiêm trọng, luôn tiềm ẩn những nguy cơ gây bất ổn đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Bên cạnh đó hoạt động “tín dụng đen” còn ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức tín dụng Ngân hàng ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, ảnh hưởng đến môi trường phát triển kinh tế, an sinh xã hội trên địa bàn. Do vậy, cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục bị cáo riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Bị cáo T và bị cáo T2 đều đã vi phạm pháp luật và đã bị xét xử và xử lý. Cụ thể là, bị cáo T có 01 tiền án, Bản án số 246/2016/HSST ngày 17/6/2016, Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt T 26 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 22 tháng 01 năm 2018. Ngoài ra còn có nhân thân, ngày 24/8/2013 bị Công an huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích nên bị cáo T có tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T2 có nhân thân xấu: tại bản án số 152 ngày 29/10/2008, Tòa án Nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 26/7/2009, đã chấp hành xong T bộ bản án, nay cũng không được coi là phạm tội lần đầu. Bị cáo U' phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T sau khi phạm tội biết hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nên đã đề cơ quan điều tra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, các bị cáo có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau khi thực hiện hành vi phạm tội theo một kế hoạch đã thống nhất từ trước (theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 BLHS) nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là phạm tội có tổ chức. Mỗi bị cáo trong vụ án đều được phân công một nhiệm vụ cụ thể và cùng liên kết lại để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Trong vụ án này bị cáo Toàn là người khởi xướng việc cho vay lãi nặng, là người trực tiếp bỏ tiền ra để cho người vay tiền vay và trực tiếp bảo Ước tìm địa điểm để thực hiện việc cho vay; trực tiếp đặt ra hình thức cho vay, mức lãi suất, trực tiếp quản lý việc cho vay và trực tiếp được hưởng lợi từ số tiền thu lời bất chính nên bị cáo có vai trò chính trong vụ án và là người tổ chức. Các bị cáo Ước, Tuấn giúp bị cáo Toàn tìm người có nhu cầu vay tiền, trực tiếp hướng dẫn khách hàng làm thủ tục vay tiền nhúng nhặc theo giấy tờ tùy thân, điền các thông tin trên giấy vay tiền theo mẫu và trực tiếp thu tiền hàng ngày nên đồng phạm với vai trò thực hành. Vì vậy khi quyết định hình phạt bị cáo Toàn phải có mức hình phạt cao hơn các bị cáo Ước và Tuấn.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh là phù hợp. Hội đồng xét xử thấy cần phải xét xử các bị cáo bằng hình phạt tương ứng với mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Cụ thể: Đối với bị cáo T phạm tội vào khoản 2 Điều 201 BLHS, lần phạm tội này là tái phạm và có nhân thân xấu nên cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Đối với bị cáo Ư và bị cáo T2 phạm tội vào khoản 1 Điều 201 BLHS nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ để giúp bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và gia đình. Các bị cáo Ư và T2 không có công việc làm ổn định tại cơ sở sản xuất, kinh doanh nào nên không có bằng lương thu nhập cụ thể nào, vì thế không thể áp dụng việc khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo.

Ngoài ra, các bị cáo phạm tội động cơ mục đích vụ lợi, thu lời bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu phải bồi thường thiệt hại gì nên không xem xét. Số tiền lãi nặng mà các bị cáo chiếm đoạt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ được truy thu sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền T bỏ ra cho mọi người vay là 690.000.000đ. Đây là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 19.418.500 đồng là tiền lãi mà bị cáo T được hưởng khi cho vay tuy phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nhưng là số tiền do phạm tội mà có nên truy thu sung quỹ Nhà nƯ.

Tổng số tiền thu lời bất chính là 119.128.500đ. Tuy nhiên số tiền thu lời bất chính trên bị cáo T đã sử dụng một phần để trả lương cho U 7 triệu đồng/1 tháng, T2 5 triệu đồng/1 tháng và đã trả 5 tháng lương cho U, T2 thì bị cáo T đã chi trả tiền công cho bị cáo U là 35.000.000đ, chi cho bị cáo T2 là 25.000.000đ với tổng số tiền 60.000.000 đồng nên cần trừ vào số tiền đã trả lương cho U, T2 vào số thu lời bất chính truy thu của T. Vì vậy buộc bị cáo T phải nộp sung công quỹ nhà nƯ số tiền thu lời bất chính là 59.128.500đ, U là 35.000.000đ, T2 là 25.000.000đ.

Đối với 01 khẩu súng dài và 03 viên đạn nói trên có tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng ; 02 chiếc gậy rút bằng kim loại; 01 côn nhị khúc bằng gỗ, có gắn sắt ở 2 đầu chiếc côn; 01 con dao (loại dao mèo) dài khoảng 50cm, cán gỗ đây là công cụ hỗ trợ hiện không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

01 giấy đăng ký kinh doanh đến nay các bị cáo không kinh doanh nữa nên các bị cáo không nhận lại cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 quyển sổ và 14 giấy vay tiền (đã thực hiện xong việc thu gốc và lãi) là chứng cứ của vụ án nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình bị giữ, T2 đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, U tự nguyện giao nộp 01 điện thoại điện thoại nhãn hiệu Nokia 6700 màu đen các bị cáo khai nhận hai chiếc điện thoại này dùng để liên lạc trong thời gian cho vay tiền và đi đòi nợ nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nƯ.

Những vấn đề liên quan khác:

Đối với 4 giấy vay tiền chưa thực hiện xong việc trả gốc gồm: Ngày 08/04/2019, T cho anh Nguyễn Văn Hùng vay số tiền 15.000.000đ, thu luôn số tiền lãi là 3.000.000đ tính cho 50 ngày (trả được 01 ngày tiền gốc); ngày 29/3/2019, T đã cho chị Phạm Thị Hồng Cúc vay số tiền 25.000.000đ, thu luôn số tiền lãi là 5.000.000đ tính cho 50 ngày (trả được 11 ngày tiền gốc); ngày 26/2/2019, T2 đã cho anh Đoàn Chí Hiếu vay số tiền 50.000.000đ, thu luôn số tiền lãi là 10.000.000đ tính cho 50 ngày (trả được 42 ngày tiền gốc). Ngày 17/3/2019, T2 đã cho bà Nguyễn Thị Bùi vay số tiền 15.000.000đ, thu luôn số tiền lãi là 3.000.000đ tính cho 50 ngày (trả được 23 ngày tiền gốc với giao dịch ngày 17/3/2019). Các giao dịch trên chưa đến hạn thanh toán nên chưa có căn cứ xác định các bị can thu tiền lãi suất cho vay vượt quá 5 lần lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hiện nay các bị cáo không có yêu cầu giải quyết đối với các giao dịch này nên không đặt ra giải quyết.

Đối với 29 giao dịch dân sự đã hoàn thành việc trả gốc và lãi các bị cáo và những người liên quan không có ý kiến gì đề cập giải quyết. Đối với 4 giao dịch chưa thu được gốc các bị cáo và người liên quan không đề nghị xử lý trong vụ án này nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với hành vi tàng trữ 01 khẩu súng dài 70cm có phần báng súng bằng gỗ dài 38cm, phần thân súng và nòng súng bằng kim loại dài 32cm, nòng súng có đường kính 1,5cm; 03 viên đạn bằng kim loại hình trụ màu vàng nhìn từ đầu viên đạn thấy cả 3 viên đạn đều được bịt bằng giấy bên trong viên đạn (trong đó có 02 viên đạn dài 5cm, đường kính rộng 1,5cm; 01 viên đạn dài khoảng 7cm, đường kính rộng khoảng 1cm) của U, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh đã tiến hành trưng cầu giám định xác định không phải là súng quân dụng, và 02 chiếc gậy rút bằng kim loại; 01 côn nhị khúc bằng gỗ, có gắn sắt ở 2 đầu chiếc côn; 01 con dao (loại dao mèo) dài khoảng 50cm, cán gỗ là công cụ hỗ trợ với số lượng này chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 12/09/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh đã ra Quyết định số 80 về việc xử phạt hành chính đối với U về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ là phù hợp.

Liên quan trong vụ án này có một số đối tượng có trong danh sách cơ quan điều tra thu giữ đến nay các bị can khai có cho vay nhưng không nhớ được địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Ninh đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa làm rõ được, khi nào làm rõ sẽ xử lý.

Đối với chị Hậu, có cho U thuê lại 01 gian ở tầng 1 của ngôi nhà số 12 đường Bình Than, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh để mở quán Giải pháp tài chính F85, nhưng chị Hậu không biết việc U thuê cho T để kinh doanh dưới hình thức cho vay lãi nặng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Ninh không đề cập xử lý đối với chị Hậu là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T, Nguyễn Đức U và Nguyễn Văn T2 phạm tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; khoản 2 Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Trần Ngọc T 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 04/7/2020, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 12/11/2019 đến 15/11/2019. Phạt bổ sung 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng sung quỹ nhà nU.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; khoản 2 Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nguyễn Đức U 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 09/4/2019 đến 17/4/2019 tức 09 ngày x 3 = 27 ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Đức U cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Lai, huyện Gia Bình,

tỉnh Bắc Ninh và Gia đình bị cáo có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án Hình sự. Phạt bổ sung 50.000.000 (lăm mươi triệu) đồng sung quỹ nhà nU.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; khoản 2 Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nguyễn Văn T2 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 09/4/2019 đến 17/4/2019 tức 09 ngày $\times 3 = 27$ ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và Gia đình bị cáo có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án Hình sự. Phạt bổ sung 50.000.000 (lăm mươi triệu) đồng sung quỹ nhà nU.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nU:

Truy thu đối với bị cáo Trần Ngọc T tổng số tiền là 768.547.000đ (trong đó có: 690.000.000đ tiền gốc + 19.418.500đ tiền lãi + 59.128.500đ tiền lãi nặng).

Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Đức U số tiền là 35.000.000đ (là số tiền lãi nặng bị cáo T lấy ra để trả lương cho U).

Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn T2 số tiền là 25.000.000đ (là số tiền lãi nặng bị cáo T lấy ra để trả lương cho T2).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nU: 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, 01 điện thoại điện thoại nhãn hiệu Nokia 6700 màu đen đã qua sử dụng.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án:

01 giấy đăng ký kinh doanh đến nay các bị cáo không kinh doanh nữa nên các bị cáo không nhận lại cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 quyển sổ và 14 giấy vay tiền (đã thực hiện xong việc thu gốc và lãi) là chứng cứ của vụ án nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Tịch thu tiêu hủy: Đối với 01 khẩu súng dài và 03 viên đạn nói trên có tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng ; 02 chiếc gậy rút bằng kim loại; 01 côn nhị khúc bằng gỗ, có gắn sắt ở 2 đầu chiếc côn; 01 con dao (loại dao mèo) dài khoảng 50cm, cán gỗ đây là công cụ hỗ trợ hiện không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN, VKSND TP Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự TP Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hồng